

Số: 666/2023/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 947/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đặng Lê T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 12Đ D2, khu phố BD, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 9 đường Nguyễn Hiền, tổ B, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Lê N, sinh ngày 20/3/2007. Ly hôn ông T và bà M thỏa thuận giao cháu N cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn. Bà M tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành thành ngày 18 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Lê N, sinh ngày 20/3/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà M xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ông T là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng lệ phí, lệ phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà M tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007259 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, trả lại bà M số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Bửu Long, TP Biên Hòa,
T.Đồng Nai (GCN số 93 ngày 17/12/2003);
- Lưu: Hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Viết Được